

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

a) Địa điểm giao hàng: Nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp, xã Hòa Phú, tỉnh Đắk Lắk.

b) Thời gian thực hiện hợp đồng: 124 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Trong đó:

- Thời gian giao hàng trong vòng từ 30 đến 90 ngày (được giao thành 2 đợt theo yêu cầu tại Phụ lục I - Yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa), kể từ ngày ký hợp đồng;
- Thời gian kiểm tra, thử nghiệm trong vòng 20 ngày, kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được hàng hóa, chứng từ;
- Thời gian thanh toán trong vòng 14 ngày, kể từ ngày Nhà thầu nộp đủ chứng từ, hồ sơ thanh toán cho Chủ đầu tư.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu được mô tả tại Phụ lục I - Yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa kèm theo.

a) Tính năng, thông số kỹ thuật của hàng hóa

- Hàng hóa được cung cấp phải là hàng mới, chưa qua sử dụng, không có khiếm khuyết do thiết kế, vật liệu hoặc kỹ thuật chế tạo và phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau.

- Hàng hóa được nêu tại Phụ lục I là loại mà Chủ đầu tư đang sử dụng nhằm tham khảo, minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa. Nhà thầu có thể chào hàng hóa với tính năng, thông số kỹ thuật cụ thể được nêu tại Phụ lục I hoặc hàng hóa tương đương nhưng phải cung cấp tài liệu kỹ thuật, kèm theo văn bản chứng minh tính tương đương hoặc tốt hơn hàng hóa được nêu, đồng thời phải đảm bảo vận hành ổn định và đồng bộ trong hệ thống hiện hữu. “Tương đương” nghĩa là có đặc tính kỹ thuật tương tự, có tính năng sử dụng như nhau, có cùng thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ, kích thước lắp đặt với hàng hóa được nêu.

- Văn bản, tài liệu chứng minh tính tương đương bao gồm:

+ Văn bản so sánh, đối chiếu từng thông số kỹ thuật giữa hàng hóa yêu cầu tại E-HSMT và hàng hóa đề xuất tại E-HSDT;

+ Tài liệu kỹ thuật do hãng sản xuất phát hành của hàng hóa được đề xuất, trong đó phải thể hiện đầy đủ các thông số kỹ thuật được kê khai để chứng minh tính tương đương;

+ Phiếu kết quả thử nghiệm hoặc giấy chứng nhận hiệu chuẩn do đơn vị có chức năng phát hành đối với thông số kỹ thuật được kê khai để chứng minh tính tương đương

Chương V - 2

(áp dụng đối với các mục hàng hóa có quy định thử nghiệm, hiệu chuẩn theo pháp luật chuyên ngành, như: đèn chiếu sáng, thiết bị đo, sào thao tác, bình chữa cháy...).

- Trường hợp nhà thầu chào hàng hóa có nhãn hiệu khác thì việc đánh giá tương đương dựa vào thông số kỹ thuật được nêu tại Phụ lục I và tài liệu kỹ thuật do hãng sản xuất phát hành.

- Trường hợp có sự khác biệt giữa biểu thông số kỹ thuật chi tiết do nhà thầu kê khai để chứng minh tính tương đương và tài liệu kỹ thuật do hãng sản xuất phát hành, thì tài liệu kỹ thuật của hãng sản xuất được lấy làm cơ sở đánh giá.

b) Thời gian giao hàng

Trong vòng từ 30 đến 90 ngày, được giao thành 2 đợt theo yêu cầu tại Phụ lục I, kể từ ngày ký hợp đồng.

c) Bảo hành

- Thời hạn bảo hành: Không nhỏ hơn 12 tháng, kể từ ngày nghiệm thu và bàn giao hàng hóa.

- Giá trị bảo đảm nghĩa vụ bảo hành: 5% giá hợp đồng.

- Hình thức bảo đảm nghĩa vụ bảo hành: Bảo lãnh bảo hành hoặc giữ lại một phần giá trị của hợp đồng.

- Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành: 12 tháng, kể từ hàng hóa được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng (đợt cuối).

* Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT bản cam kết bảo hành được kê khai theo Mẫu số 23 tại Chương này hoặc một mẫu/tài liệu khác để chứng minh nhà thầu sẽ thực hiện bảo hành đáp ứng thời hạn quy định nêu trên. Trường hợp E-HSDT không đính kèm cam kết thì nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSDT theo yêu cầu của Bên mời thầu, bổ sung cam kết để làm cơ sở đánh giá E-HSDT theo quy định.

d) Chứng từ liên quan

Theo yêu cầu tại Phụ lục I, trong đó:

- C/O (Certificate of Origin): Đối với hàng hóa sản xuất tại nước ngoài, Nhà thầu phải cung cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hợp lệ theo quy định của pháp luật về xuất xứ hàng hóa (bản gốc hoặc bản sao y hợp lệ).

- C/Q (Certificate of Quality): Giấy chứng nhận chất lượng hoặc tương tự do hãng sản xuất hoặc văn phòng đại diện của hãng sản xuất phát hành (bản gốc hoặc bản sao y hợp lệ).

- Giấy chứng nhận hợp quy: Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn do đơn vị có chức năng phát hành (bản sao y hợp lệ).

- Phiếu kết quả thử nghiệm do đơn vị có chức năng phát hành (bản gốc).

- Giấy chứng nhận kiểm định phòng cháy và chữa cháy do đơn vị có chức năng phát hành (bản sao y hợp lệ).

* Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT bản cam kết cung cấp chứng từ liên quan được kê khai theo Mẫu số 23 tại Chương này hoặc một mẫu/tài liệu khác để chứng minh nhà thầu sẽ cung cấp chứng từ đáp ứng các nội dung quy định nêu trên. Trường hợp E-HSDT không đính kèm cam kết thì nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSDT

theo yêu cầu của Bên mời thầu, bổ sung cam kết để làm cơ sở đánh giá E-HSDT theo quy định.

1.3. Các yêu cầu khác

a) Giá dự thầu: Giá dự thầu phải bao gồm thuế GTGT theo cột “Thuế suất GTGT” tại Phụ lục I. Thuế suất thuế giá trị gia tăng sẽ được xác định lại tại thời điểm nghiệm thu, xuất hóa đơn theo các quy định hiện hành. Trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm), đồng thời Nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định.

b) Yêu cầu về phương thức thanh toán

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.
- Thời hạn thanh toán: 100% giá trị hàng hóa trong vòng 14 ngày, kể từ ngày Nhà thầu nộp đủ chứng từ, hồ sơ thanh toán cho Chủ đầu tư.
- Số lần thanh toán: 2 lần (theo từng đợt nghiệm thu).

c) Hợp đồng: Nội dung hợp đồng bao gồm các điều khoản được quy định tại Mẫu số 17A kèm thương Chương này.

Mục 2. Bản vẽ: Không có bản vẽ.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

a) Các tài liệu, chứng từ cần có trước khi kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa: C/O (bản gốc hoặc bản sao y hợp lệ), C/Q (bản gốc hoặc bản sao y hợp lệ), Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy (bản sao y hợp lệ); Giấy chứng nhận hợp quy (bản sao y hợp lệ).

* Trong trường hợp có nghi ngờ tính xác thực của Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) hoặc mức độ chính xác của thông tin liên quan đến xuất xứ của hàng hoá, Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp bản gốc C/O (hoặc C/O điện tử) để Công ty Thủy điện Buôn Kuốp đối chiếu. Đồng thời, Công ty Thủy điện Buôn Kuốp có thể gửi yêu cầu kiểm tra tới tổ chức cấp Giấy chứng nhận xuất xứ để xác thực C/O và xuất xứ của hàng hoá đang xem xét.

* Đối với hàng hóa có đặc tính kỹ thuật đặc thù, phức tạp, thường được sản xuất theo đơn đặt hàng, trong trường hợp có nghi ngờ chất lượng hàng hóa hoặc tính xác thực của Giấy chứng nhận chất lượng (C/Q) hoặc các chứng từ liên quan, Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp bản gốc C/Q (hoặc C/Q điện tử) hoặc các chứng từ liên quan để Công ty Thủy điện Buôn Kuốp đối chiếu. Đồng thời, Công ty Thủy điện Buôn Kuốp có thể gửi yêu cầu kiểm tra tới Hãng sản xuất hoặc văn phòng đại diện của Hãng sản xuất để xác định chất lượng, nguồn gốc và C/Q hoặc các chứng từ liên quan của hàng hoá đang xem xét.

b) Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm:

- Thời gian, địa điểm nghiệm thu: Trong vòng 20 ngày, tại Nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp.
- Hàng hóa được kiểm tra, thử nghiệm bằng các thiết bị chuyên dùng, đánh giá tình trạng bên ngoài bằng mắt thường.

Chương V - 4

- Đối với bộ nguồn tủ báo cháy (Mục hàng hóa số 8): Nhà thầu có trách nhiệm cử chuyên gia hỗ trợ từ xa trong quá trình cài đặt, kết nối truyền thông bộ nguồn với tủ báo cháy hiện hữu Notifier CPU2-3030D (L4237:B, L601:AW); bảo đảm bộ nguồn được cấp tương thích, vận hành ổn định và đồng bộ trong hệ thống báo cháy hiện hữu. Trường hợp việc hỗ trợ từ xa không thể xử lý được các vấn đề trong quá trình cài đặt, không thể đưa bộ nguồn tủ báo cháy vào sử dụng thì Nhà thầu phải cử chuyên gia đến hiện trường để xử lý (mọi chi phí do Nhà thầu chịu). Đây là cơ sở để hai bên nghiệm thu và bàn giao hàng hóa.

Phụ lục I
YÊU CẦU KỸ THUẬT CỦA HÀNG HÓA

(Kèm theo E-HSMT ngày tháng 11 năm 2025 của Công ty Thủy điện Buôn Kuốp)

STT	Tên hàng hóa	Nhãn hiệu, ký mã hiệu	Tính năng, thông số kỹ thuật	Thời gian giao hàng	Thời hạn bảo hành	Chứng từ liên quan	Thuế suất GTGT
1	Đèn đường LED 100W	VinaLED ST-HG100 hoặc tương đương	- Công suất tiêu thụ: 100W; - Bóng LED: Lumileds; - Quang thông: 13.000lm; - Nhiệt độ màu ánh sáng: 4000K; - Kích thước đèn: 613 x 240 x 109 (mm); - Kích thước lắp đặt: Ø60mm, có vít tăng đơ để điều chỉnh góc nghiêng đèn -15° đến 15°; - Điện áp ngõ vào: 100-240VAC; - Chỉ số hoàn màu: Ra > 80; - Góc chiếu sáng: T2M; - Tiêu chuẩn bảo vệ: IP66; - Tuổi thọ: > 50.000 giờ; - Bảo hành: 5 năm * Tiêu chuẩn áp dụng: - Đèn phải được dán nhãn năng lượng theo TCVN 12666:2019 (hoặc tương đương) - TCVN 7722-2-3:2007 (IEC 60598-2-3:2002) - Đèn điện LED dùng cho chiếu sáng ngoài trời (hoặc tương đương) - TCVN 10885-2-1 (IEC 62722 -2-1:2014) - Đèn điện LED (hoặc tương đương)	≤ 30 ngày	12 tháng	C/Q, Giấy chứng nhận hợp quy	8%
2	Chống sét lan truyền	Phoenix VAL-SPP-T2-275-1+1-UT-R, code: 1466212 hoặc tương đương	Plug-in surge arrester, in accordance with Type 2/Class II, for 1-phase power supply networks with separate N and PE (3-conductor system: L1, N, PE), with remote indication contact	≤ 90 ngày	12 tháng	C/O, C/Q	8%

Phụ lục I - 2

STT	Tên hàng hóa	Nhãn hiệu, ký mã hiệu	Tính năng, thông số kỹ thuật	Thời gian giao hàng	Thời hạn bảo hành	Chứng từ liên quan	Thuế suất GTGT
3	Bộ nguồn 240W	Phoenix QUINT-PS/1AC/24DC/10, code: 2866763 hoặc tương đương	Screw connection, DIN rail mounting, selective fuse breaking technology, input: 1-phase, output: 24 V DC / 10 A	≤ 90 ngày	12 tháng	C/O, C/Q	8%
4	Nắp ngăn cầu đấu dây 2,5mm ²	Phoenix D-UK4/10, Code 3003020 hoặc tương đương	Length 42,5mm, width 1,8mm, height 35,9mm; color gray	≤ 90 ngày	12 tháng	C/O, C/Q	8%
5	Nhãn cầu đấu dây	Phoenix ZB 6, code: 1051016 hoặc tương đương	Mounting type: latching, for terminal block width: 6.2 mm, Number of individual labels: 10, text field height: 10.5 mm, text field width: 6.15 mm In số: 10x(1-10), 10x(11-20), 10x(21-30), 10x(31-40), 10x(41-50)	≤ 90 ngày	12 tháng	C/O, C/Q	8%
6	Cảm biến đo mức dầu	Micro Sensor MPM426W PF G H003 E V11 A3 24 00 LD1 P2 L008 N hoặc tương đương	Submersible Level Transmitter For Oil Measurement Measuring Range 0-3 mH ₂ O Acc. 1%; Output 4-20mA DC; Power supply 12-28VDC; material SS316L; Process connection Hydrostatic probe, SS 316L; PUR cable lenght 8m	≤ 90 ngày	12 tháng	C/O, C/Q	8%
7	Rơ le thời gian	Siemens 3RP2525-1AW30 hoặc tương đương	Electronic on-delay 1 change-over contact, 7 time ranges 0.05 s...100 h 12-240 V AC/DC at 50/60 Hz AC with LED, screw terminal	≤ 90 ngày	12 tháng	C/O, C/Q	8%
8	Bộ nguồn tủ báo cháy	Notifier AMPS-24E (code: AMPS-K2PCA) hoặc tương đương	Addressable power supply and battery charger Primary power 220-240VAC 50/60Hz, 2,5A; main 24VDC output; Aux. 24VDC Bao gồm: Dịch vụ hỗ trợ từ xa cài đặt, kết nối truyền thông bộ nguồn với tủ báo cháy hiện hữu Notifier CPU2-3030D (L4237:B, L601:AW)	≤ 30 ngày	12 tháng	C/O, C/Q	8%
9	Chuông báo cháy	Chungmei CM-FB6I6B hoặc tương đương	Type: 24V DC; Current: 25mA; dimension: Ø6 inch; sound: 93dB	≤ 30 ngày	12 tháng	C/O, C/Q	8%

Phụ lục I - 3

STT	Tên hàng hóa	Nhãn hiệu, ký mã hiệu	Tính năng, thông số kỹ thuật	Thời gian giao hàng	Thời hạn bảo hành	Chứng từ liên quan	Thuế suất GTGT
10	Đầu báo khói	Chungmei CM-WT32L hoặc tương đương	Type: 2-wire; Voltage: 12-30VDC; Alarm current: 24VDC / 30mA; Standby current: 24VDC / 25μA Below Bao gồm đế	≤ 30 ngày	12 tháng	C/O, C/Q	8%
11	Đầu cáp 3 pha 24kV	Hãng sản xuất: 3M, Mã hàng: QTII (K)4S-32-70-Cu(Al) hoặc tương đương	Đầu cáp ngầm 3 pha 12/20(24)kV; trong nhà; kiểu co nguội; dùng cho cáp ngầm tiết diện 3x70mm ²	≤ 30 ngày	12 tháng	C/O, C/Q	8%
12	Bộ chuyển đổi cổng nối tiếp sang Ethernet	Moxa Nport 5150 hoặc tương đương	1x RS-232/422/485 - 1x 10/100 BaseT(X) Ports (RJ45 connector)	≤ 30 ngày	12 tháng	C/O, C/Q	8%
13	Nhãn in 9mm	Brother TZe-421 hoặc tương đương	Chữ đen trên nền đỏ; chống thấm nước; dài 8 mét	≤ 30 ngày	12 tháng	C/O, C/Q	8%
14	Nhãn in 9mm	Brother TZe-521 hoặc tương đương	Chữ đen trên nền xanh; chống thấm nước; dài 8 mét	≤ 30 ngày	12 tháng	C/O, C/Q	8%
15	Nhãn in 9mm	Brother TZe-621 hoặc tương đương	Chữ đen trên nền vàng; chống thấm nước; dài 8 mét	≤ 30 ngày	12 tháng	C/O, C/Q	8%
16	Nhãn in 12mm	Brother TZe-431 hoặc tương đương	Chữ đen trên nền đỏ; chống thấm nước; dài 8 mét	≤ 30 ngày	12 tháng	C/O, C/Q	8%
17	Nhãn in 12mm	Brother TZe-435 hoặc tương đương	Chữ trắng trên nền đỏ; chống thấm nước; dài 8 mét	≤ 30 ngày	12 tháng	C/O, C/Q	8%
18	Nhãn in 12mm	Brother TZe-531 hoặc tương đương	Chữ đen trên nền xanh; chống thấm nước; dài 8 mét	≤ 30 ngày	12 tháng	C/O, C/Q	8%
19	Nhãn in 12mm	Brother TZe-631 hoặc tương đương	Chữ đen trên nền vàng; chống thấm nước; dài 8 mét	≤ 30 ngày	12 tháng	C/O, C/Q	8%
20	Nhãn in 18mm	Brother TZe-441 hoặc tương đương	Chữ đen trên nền đỏ; chống thấm nước; dài 8 mét	≤ 30 ngày	12 tháng	C/O, C/Q	8%
21	Nhãn in 18mm	Brother TZe-541 hoặc tương đương	Chữ đen trên nền xanh; chống thấm nước; dài 8 mét	≤ 30 ngày	12 tháng	C/O, C/Q	8%
22	Nhãn in 18mm	Brother TZe-641 hoặc tương đương	Chữ đen trên nền vàng; chống thấm nước; dài 8 mét	≤ 30 ngày	12 tháng	C/O, C/Q	8%

Phụ lục I - 4

STT	Tên hàng hóa	Nhãn hiệu, ký mã hiệu	Tính năng, thông số kỹ thuật	Thời gian giao hàng	Thời hạn bảo hành	Chứng từ liên quan	Thuế suất GTGT
23	Bộ tiếp điểm	XiangHong FI-10 + XH778 hoặc tương đương	Điện áp định mức: 380V/10A, 220V/3A Bao gồm: cần thao tác	≤ 90 ngày	12 tháng		8%
24	Băng keo cách điện	MPE hoặc tương đương	Dày 0,12mm, rộng 19mm, dài 20yds/cuộn Các màu đen, vàng, xanh, đỏ	≤ 30 ngày	12 tháng		8%
25	Bóng đèn LED tuýp 1,2 mét	Rạng Đông T8 TT01 1200/20W hoặc tương đương	Công suất: 20W; điện áp: 220 VAC; ánh sáng trắng; kích thước: Ø27 x L1213 (mm); vật liệu bóng thủy tinh	≤ 30 ngày	12 tháng		8%
26	Bóng đèn LED tròn 20W	Rạng Đông A95N1/20W.H hoặc tương đương	Công suất 20W; điện áp 220VAC; nhiệt độ màu 6500K	≤ 30 ngày	12 tháng		8%
27	Bóng đèn LED tròn 9W	Rạng Đông A60N1/9W.H hoặc tương đương	Công suất 9W; điện áp 220VAC; nhiệt độ màu 6500K	≤ 30 ngày	12 tháng		8%
28	Bộ chuyển mạch	D-Link DGS-F1005P-E hoặc tương đương	250M 5-Port Unmanaged Gigabit Switch with 4 PoE Ports (60W) and 1 Uplink Ports	≤ 30 ngày	12 tháng		8%
29	Cáp chuyển đổi VGA sang HDMI	Ugreen 50945 hoặc tương đương	Chuyển đổi VGA sang HDMI + Audio 1080P@60Hz	≤ 30 ngày	12 tháng		8%
30	Cáp HDMI	Ugreen 40416 hoặc tương đương	Cáp HDMI 1.4 hỗ trợ 4K@30Hz; dài 15m	≤ 30 ngày	12 tháng		8%
31	CB 3 pha tích hợp rơ le nhiệt	Schneider GV2ME06 hoặc tương đương	3P, 1 to 1.6A, thermal magnetic, screw clamp terminals, button control	≤ 30 ngày	12 tháng		8%
32	Chip đèn LED 200W	Epistar EP3030-200W hoặc tương đương	Chip SMD3030 - 140Lm/W; công suất 200W; kích thước Ø190mm; điện áp DC150-155V; dòng điện DC1200mA; CRI > 80; ánh sáng trắng 6000K; tuổi thọ 50.000 giờ	≤ 30 ngày	12 tháng		8%
33	Dây chì trung thế loại 15A		Loại K; Điện áp định mức: 24 - 35kV; Chiều dài toàn bộ 23 inch (584mm)	≤ 30 ngày	12 tháng		8%
34	Dây tiếp địa 10mm2	Cadivi VCm-10 (TE) hoặc tương đương	Cấu trúc 77/0,4; điện áp 0,6/1kV; màu vàng - xanh	≤ 30 ngày	12 tháng		8%

STT	Tên hàng hóa	Nhãn hiệu, ký mã hiệu	Tính năng, thông số kỹ thuật	Thời gian giao hàng	Thời hạn bảo hành	Chứng từ liên quan	Thuế suất GTGT
35	Đèn chiếu sáng khẩn cấp	Kentom KT-750 hoặc tương đương	Nguồn điện sạc AC 220V/50Hz; Bóng đèn LED (3,2V 3W) x 2 bóng led; Pin sạc LI-ON 3,7V 2600mAh; Thời gian thấp sáng 3 giờ	≤ 30 ngày	12 tháng		8%
36	Đèn đường LED 150W	DAXIN150-25 hoặc tương đương	- Driver LED: Philips chống sét 10kV; - Chip LED: Lumileds; - Quang thông 120-150 Lm/w; - Kích thước 700x300x200 (mm); - Cản đèn Ø60mm; - Mạch điều khiển: dimming; - Nhiệt độ màu (CRT) 6500k; - Độ hoàn màu 70-85 CRI; - Góc chiếu sáng 120 độ; - Điện áp sử dụng 100-270VAC; - Cấp bảo vệ IP 66; - Vật liệu: vỏ nhôm hợp kim, LUP thủy tinh; - Tuổi thọ 60.000 giờ; - Bảo hành 3 năm	≤ 30 ngày	12 tháng		8%
37	Đèn LED ốp trần	Duhal KDLD840 hoặc tương đương	Công suất 40W; Điện áp 220V/50Hz; Ánh sáng trắng 6500K; Quang thông 4200lm; Kích thước 1200x75x25 (mm)	≤ 30 ngày	12 tháng		8%
38	Kẹp cá sấu 80mm		Dùng để kẹp bình ắc quy 2 màu: đỏ, đen	≤ 30 ngày	12 tháng		8%
39	MCB 1P-20A	Schneider EZ9F34120 hoặc tương đương	Dòng cắt ngắn mạch 4,5kA; đường cong loại C	≤ 30 ngày	12 tháng		8%
40	MCB 1P-6A	Schneider A9F74106 hoặc tương đương	Dòng cắt ngắn mạch 6 kA; đường cong loại C	≤ 30 ngày	12 tháng		8%
41	Nẹp luồn dây điện		Kích thước 20x11mm; màu trắng	≤ 30 ngày	12 tháng		8%
42	Ổ cắm 2 lỗ - 2 vị trí	Sino S18U2 hoặc tương đương	Dòng điện 16A Bao gồm: viên, ổ cắm 2 lỗ 2 vị trí	≤ 30 ngày	12 tháng		8%
43	Ổ cắm 3 lỗ - 2 vị trí	Sino S18UE2 hoặc tương đương	Dòng điện 16 A Bao gồm viên, ổ cắm 3 lỗ 2 vị trí, đế nổi chống cháy	≤ 30 ngày	12 tháng		8%

Phụ lục I - 6

STT	Tên hàng hóa	Nhãn hiệu, ký mã hiệu	Tính năng, thông số kỹ thuật	Thời gian giao hàng	Thời hạn bảo hành	Chứng từ liên quan	Thuế suất GTGT
44	Phích cắm	TLC PDS-4500W hoặc tương đương	Công suất 4.500W; Điện áp 250V/20A; Loại chân tròn Ø4,5mm	≤ 30 ngày	12 tháng		8%
45	Quạt hút 110W	Omysu FA-35M1 hoặc tương đương	Công suất 110W; điện áp 220VAC; sải cánh Ø350mm; kích thước 470x220x350 (mm)	≤ 30 ngày	12 tháng		8%
46	Quạt hút 35W	Senko H200 hoặc tương đương	Công suất 35W; điện áp 220VAC; sải cánh Ø200mm; màu trắng	≤ 30 ngày	12 tháng		8%
47	Quạt hút 40W	Senko H250 hoặc tương đương	Công suất 40W; điện áp 220VAC; sải cánh Ø250mm; màu trắng	≤ 30 ngày	12 tháng		8%
48	Quạt làm mát	Sunon KDE1204PFV1 hoặc tương đương	Kích thước 40x40x10mm; điện áp 12VDC; công suất 1,1W	≤ 30 ngày	12 tháng		8%
49	Quạt ly tâm	APQ QLT-4P01 hoặc tương đương	Công suất 1HP; Lưu lượng 1.600m ³ /h; Tốc độ 1.400 vòng/phút; Cột áp 700Pa; Điện áp 220V 50Hz; Độ ồn < 60dB	≤ 30 ngày	12 tháng		8%
50	Van phao điện		Điện áp vào: 220VAC, 50Hz; Điện áp ra bơm: 220VAC, 50hz; Công suất tối đa của bơm: 3HP-2,2kW; Điện áp ra phao: DC12V; Tầm thu phát tối đa 1000 mét Bao gồm phao	≤ 30 ngày	12 tháng		8%
51	Van phao điện	Onpas ST-70AB hoặc tương đương	Điện áp 220VAC-7,5A, 110VAC-15A	≤ 30 ngày	12 tháng		8%

STT	Tên hàng hóa	Nhãn hiệu, ký mã hiệu	Tính năng, thông số kỹ thuật	Thời gian giao hàng	Thời hạn bảo hành	Chứng từ liên quan	Thuế suất GTGT
52	Máy phát hiện rò rỉ khí SF6	KVTester ZC-316B hoặc tương đương	SF6 Gas Leak Detector - Minimum Detection Amount 1($\times 10^{-6}$ volume ratio) - Detection Range 1-1000($\times 10^{-6}$ volume ratio) - Response Time < 1 second - Recovery Time < 10 seconds - Display Value Error $\leq \pm 3\%$ - Repetitiveness $\leq 1\%$ - Maximum Motionless Sensor Sensitivity 3g/year - Indication Methods: LCD display and multi-frequency sound alarm - Length of Probe Wire handheld serpentine sensor can reach to 1 meter's length - Continuous Working Time 5hours - Device Battery Rechargeable Ni-MH Battery AC/DC	≤ 90 ngày	12 tháng	C/O, C/Q	8%
53	Máy đo cường độ ánh sáng	Flir Extech UV505 hoặc tương đương	- UV-AB Light Meter - UVA: 1 to 3999 $\mu\text{W}/\text{cm}^2$, 0.01 to 40 mW/cm^2 - UVA Basic Accuracy: $\pm 5\%$ full scale - UVA Max Resolution: 1 $\mu\text{W}/\text{cm}^2$, 0.01 mW/cm^2 - UVB: 1 to 3999 $\mu\text{W}/\text{cm}^2$, 0.01 to 40 mW/cm^2 - UVB Basic Accuracy: $\pm 5\%$ full scale - UVB Max Resolution: 1 $\mu\text{W}/\text{cm}^2$, 0.01 mW/cm^2 - Power: 2 $\times$ AAA (1.5V) batteries	≤ 90 ngày	12 tháng	C/O, C/Q	8%

STT	Tên hàng hóa	Nhãn hiệu, ký mã hiệu	Tính năng, thông số kỹ thuật	Thời gian giao hàng	Thời hạn bảo hành	Chứng từ liên quan	Thuế suất GTGT
54	Máy in 3D	Creality Ender-5 Max hoặc tương đương	- Printing Technology Fused Deposition Modeling - Build Volume $400 \times 400 \times 400$ mm - Printing Speed ≤ 700 mm/s - Acceleration ≤ 20000 mm/s² - Printing Accuracy 100 ± 0.1 mm - Layer Height 0.05-0.3 mm - Extruder Direct drive extruder - Filament Diameter 1.75 mm - Nozzle Diameter 0.4 mm (compatible with 0.6/0.8 mm nozzle) - Nozzle Temperature ≤ 300 °C - Heatbed Temperature ≤ 100 °C - Build Plate Epoxy flexible build plate - Leveling Mode 64-point auto leveling - Indicator Light Red/Green/Yellow - File Transfer USB drive/Wi-Fi - Display Screen 4.3" color touch screen - Rated Voltage 100-240V~AC 50/60 Hz - Rated Power 1250W - Supported Filaments: Hyper PLA/ PLA/ PETG/ TPU95A/ ABS/ ASA/ PLA-CF/ PA/ PLA-Silk - Printable File Format G-code - File Formats for Slicing STL/OBJ/3MF - Power Loss Recovery, Filament Runout Sensor, Input Shaping, Lighting kit, Sleep Mode, Cloud Printing: Yes - UI Languages: English	≤ 30 ngày	12 tháng	C/O, C/Q	8%

STT	Tên hàng hóa	Nhãn hiệu, ký mã hiệu	Tính năng, thông số kỹ thuật	Thời gian giao hàng	Thời hạn bảo hành	Chứng từ liên quan	Thuế suất GTGT
55	Máy quét 3D	Creality CR-Scan Otter hoặc tương đương	- Accuracy Up to 0.02 mm @ 60 mm - 3D Resolution 0.05-2 mm - Scanning Speed Up to 20 fps - Min. Scan Volume 10 mm × 10 mm × 10 mm - Single Capture Range Max. 1350 × 840 mm @ 1000 mm - Technology Infrared structured light - Working Distance 110 mm - 1000 mm - Alignment Modes Geometry / Marker / Texture - Output Format OBJ / STL / PLY - Color Supplemental Light 2 white LEDs - Marker Recognition Enhancement 8 infrared LEDs - Laser Safety Class I (eye safe) - System Support Windows / macOS (Wireless scanning accessories are required for iPhone iOS / Android) - Wireless Scanning Supported in conjunction with future wireless scanning accessories - Buttons Touch - Color Mapping, IMU, Audible Prompt, Calibration Board: Yes - Input Power 5V 3A - Data Interface Type-C / USB 3.0 / USB 2.0	≤ 30 ngày	12 tháng	C/O, C/Q	8%

STT	Tên hàng hóa	Nhãn hiệu, ký mã hiệu	Tính năng, thông số kỹ thuật	Thời gian giao hàng	Thời hạn bảo hành	Chứng từ liên quan	Thuế suất GTGT
56	Máy đo dòng điện rò	Fluke 369 FC hoặc tương đương	Leakage Current Clamp Meter - Measurement function: Alternating current; - AC ampere range: 3 mA, 30 mA, 300 mA, 3 A, 30 A, 60 A; - Range / Resolution: 3 mA ¹ / 0.001 mA, 30 mA / 0.01 mA, 300 mA / 0.1 mA, 3 A / 0.001 A, 30 A / 0.01 A, 60 A / 0.1 A; - Accuracy: 1% + 5 digits at 3 mA - 30 A; 2% + 5 digits at 60 A; - Frequency: 40 Hz to 1 kHz; - Display (LCD): Digital readout 3300 count; - Display refresh rate 4 times/sec; - Max. conductor diameter 61 mm; - Battery: 2 AA, IEC LR6, NEDA 15A, alkaline; - Battery life: Expected battery life, without using backlight and spotlight, is more than 150 hours; - Automatic shut-down: Meter automatically shuts down after 15 minutes of inactivity Includes: Leakage Clamp Meter, Soft case, Batteries: 2 AA, Safety Manual	≤ 30 ngày	12 tháng	C/O, C/Q	8%

STT	Tên hàng hóa	Nhãn hiệu, ký mã hiệu	Tính năng, thông số kỹ thuật	Thời gian giao hàng	Thời hạn bảo hành	Chứng từ liên quan	Thuế suất GTGT
57	Ampe kìm	Fluke 374 hoặc tương đương	- Dòng điện AC qua miệng kìm: Dải đo 600,0 A, Độ phân giải 0,1 A, Độ chính xác $2\% \pm 5$ chữ số (10-100 Hz), $2,5\% \pm 5$ chữ số (100-500 Hz) - Dòng điện AC qua đầu dò dòng điện linh hoạt: Dải đo 2500 A, Độ phân giải 0,1 A (≤ 600 A), 1 A (≤ 2500 A), Độ chính xác $3\% \pm 5$ chữ số (5 - 500 Hz) - Dòng điện DC: Dải đo 600,0 A, Độ phân giải 0,1 A, Độ chính xác $2\% \pm 5$ chữ số - Điện áp AC: Dải đo 600,0 V, Độ phân giải 0,1 V, Độ chính xác $1,5\% \pm 5$ chữ số (20 - 500 Hz) - Điện áp DC: Dải đo 600,0 V, Độ phân giải 0,1 V, Độ chính xác $1\% \pm 5$ chữ số - Điện dung: Dải đo 1000 μF, Độ phân giải 0,1 μF (≤ 100 μF), 1 μ F (≤ 1000 μF), Độ chính xác $1\% \pm 4$ chữ số Bao gồm: túi đựng mềm, Cáp đo TL75, 2 pin kiềm AA	≤ 30 ngày	12 tháng	C/O, C/Q	8%
58	Sào thao tác	Terex Ritz VTT-1/5 hoặc tương đương	Kích thước: 5 khúc, kéo dài 6,43 mét, rút gọn 1,59 mét; trọng lượng 3,2kg; chất liệu: ống sợi thủy tinh tấm nhựa, phần đầu ống có lõi xóp đảm bảo cách điện hoàn toàn; điện áp chịu đựng: 100kV/300mm trong 1 phút Bao gồm: móc thao tác FCO	≤ 30 ngày	12 tháng	C/O, C/Q, Phiếu kết quả thử nghiệm	8%
59	Pa lăng xích 2 tấn	Daesan DSN2 hoặc tương đương	Chiều cao nâng tiêu chuẩn 3 mét; Đường kính dây xích 6,3x19,1 (mm); Dây xích kéo tay 5x22,8 (mm); Trọng lượng 22kg	≤ 30 ngày	12 tháng	C/O, C/Q	8%
60	Bình chữa cháy	Hãng sản xuất: 83MEC - Bộ Quốc phòng hoặc tương đương	Mã hàng: 83MEC/CO2/MT5 Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 7026:2013; thành phần chữa cháy CO2; khối lượng khí 5kg; phạm vi nhiệt độ 5-60 độ C; công suất làm việc 55B-C; Áp suất kiểm tra 25MPa; áp suất làm việc 4,5MPa	≤ 30 ngày	12 tháng	C/Q, Giấy chứng nhận kiểm định	8%

STT	Tên hàng hóa	Nhãn hiệu, ký mã hiệu	Tính năng, thông số kỹ thuật	Thời gian giao hàng	Thời hạn bảo hành	Chứng từ liên quan	Thuế suất GTGT
61	Bình chữa cháy	Hãng sản xuất: 83MEC - Bộ Quốc phòng hoặc tương đương	Mã hàng: 83MEC/ABC/TĐ8KG Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 12314:2018; thành phần bột chữa cháy chính NH ₄ H ₂ PO ₄ , (NH ₄) ₂ SO ₄ ; khối lượng bột 8kg; phạm vi nhiệt độ 5-60 độ C; nhiệt độ đầu phun hoạt động 68 độ C; Áp suất kiểm tra 30MPa; áp suất làm việc 1,2-1,45MPa	≤ 30 ngày	12 tháng	C/Q, Giấy chứng nhận kiểm định	8%
62	Dao tiện tròn cán vuông 20mm	Vertex MTENN-2020K16, bao gồm: TNMG 16 04 08 hoặc tương đương	Kích thước cán dao 20x20x125 (mm); góc cắt 60 độ Bao gồm: 1 cán dao và 20 lưỡi cắt	≤ 90 ngày	12 tháng		8%
63	Ổ cứng HDD	Western Digital WD10EZRX hoặc tương đương	Dung lượng 1TB; Chuẩn giao tiếp SATA3; Kích thước 3.5 inch; Cache 64MB; 5400rpm	≤ 30 ngày	12 tháng		8%
64	Bộ clê lục giác	Tolsen 20090 hoặc tương đương	13 chi tiết hệ Inch từ 1/20-3/8 inch; vật liệu thép CrV	≤ 30 ngày	12 tháng		8%
65	Bộ clê lục giác	Tolsen 20094 hoặc tương đương	18 chi tiết hệ Mét, loại dài từ 1,5-8mm, loại ngắn từ 1,27-5,5mm; 18 chi tiết hệ Inch, loại dài từ 1/16-5/16 inch; loại ngắn từ 1/20-7/32 inch; vật liệu thép CrV	≤ 30 ngày	12 tháng		8%
66	Ghế gấp	The One G04 hoặc tương đương	Ghế chân gấp khung inox, đệm tựa bọc PVC màu xanh; kích thước W470 x D515 x H890 (mm)	≤ 30 ngày	12 tháng		8%
67	Kìm cắt	Tsunoda MNK-100 hoặc tương đương	Dài 107mm; vật liệu thép không gỉ	≤ 30 ngày	12 tháng		8%
68	Máy bơm dầu	ABG H-887 hoặc tương đương	Điện áp 220VAC; Công suất 1300W; Lưu lượng 40-100 lít/phút; Thân hợp kim nhôm; Trọng lượng 5kg	≤ 30 ngày	12 tháng		8%
69	Máy mài góc	Dewalt DCG405N-KR hoặc tương đương	Công suất 800W; Điện áp 18V; Tốc độ không tải 9.000 vòng/phút; Đường kính đĩa tối đa 125 mm; Trọng lượng 1,75kg Bao gồm: 1 pin 18V-5Ah	≤ 30 ngày	12 tháng		8%

STT	Tên hàng hóa	Nhãn hiệu, ký mã hiệu	Tính năng, thông số kỹ thuật	Thời gian giao hàng	Thời hạn bảo hành	Chứng từ liên quan	Thuế suất GTGT
70	Mặt nạ phòng độc	Hãng sản xuất: 3M, Mã hàng: 6200 hoặc tương đương	Vật liệu nhựa silicone Bao gồm: trọn bộ 2 phin lọc, 2 tấm lọc, 2 nắp giữ	≤ 30 ngày	12 tháng		8%
71	Mỏ hàn chì 60W	Mã hàng: NO.907 60W hoặc tương đương	Điện áp 220VAC; Nhiệt độ tùy chỉnh 200-450 độ C	≤ 30 ngày	12 tháng		8%
72	Pin 18V-5Ah	Dewalt DCB184-B1 hoặc tương đương	Công nghệ pin XR Li-ion Pin thay thế cho các dòng máy khoan 20V của Dewalt	≤ 30 ngày	12 tháng		8%
73	Súng bắn silicon 340mm	Kingtony 7CA82-30 hoặc tương đương	Trợ lực đẩy 18:1; công suất đẩy 350kg	≤ 30 ngày	12 tháng		8%
74	Súng xịt khí nén	Total TAT3081-3 hoặc tương đương	Chiều dài ống phun 80mm; trọng lượng 1kg	≤ 30 ngày	12 tháng		8%
75	Túi đồ nghề	TOP hoặc tương đương	Size 15 inch; kích thước 380x270x200 (mm); chất liệu vải bố, có dây đeo, có viền dạ quang	≤ 30 ngày	12 tháng		8%
76	Tuốc nơ vít dẹp	Whirlpower hoặc tương đương	Kích thước 3x100mm; loại có cách điện	≤ 30 ngày	12 tháng		8%
77	Tuốc nơ vít dẹp	Whirlpower hoặc tương đương	Kích thước 4x100mm; loại có cách điện	≤ 30 ngày	12 tháng		8%
78	Thước nhét dài 300mm	Asaki AK-142 hoặc tương đương	17 lá 0,02-1,00mm; dài 300mm	≤ 30 ngày	12 tháng		8%
79	Bàn đá		Chất liệu đá granito màu trắng; kích thước: dài 1000mm, rộng 600mm; dày 30-40mm Khắc logo Công ty	≤ 30 ngày	12 tháng		8%
80	Ghế đá		Chất liệu đá granito màu trắng; kích thước: dài 1100mm, tấm ngồi rộng 350mm, tấm tựa lưng rộng 300mm; dày 30-40mm; loại ghế thẳng Khắc logo Công ty	≤ 30 ngày	12 tháng		8%

STT	Tên hàng hóa	Nhãn hiệu, ký mã hiệu	Tính năng, thông số kỹ thuật	Thời gian giao hàng	Thời hạn bảo hành	Chứng từ liên quan	Thuế suất GTGT
81	Bình khí Nito		Loại bình V4.0 TP250 Chức năng: điều khiển mở bình CO2 chữa cháy * Bao gồm van solenoid: áp lực 8MPa, kết nối ren Ø25.4 14 threads/inch taper 3:25, điện từ loại DC24V	≤ 30 ngày	12 tháng		8%
82	Bầu lọc gió		Bầu lọc gió 23x42 Kích thước: dài 47cm, đường kính Ø27cm, đầu lấy gió Ø16cm, đầu sau lọc Ø10cm (loại thẳng) Bao gồm: 2 lõi lọc dự phòng	≤ 30 ngày	12 tháng		8%
83	Lõi lọc gió	Fleetguard AF4067 hoặc tương đương	Air Filter Cartridge	≤ 30 ngày	12 tháng		8%
84	Que hàn E6013 Ø2,6mm	Kobelco RB-26 hoặc tương đương	Hàn thép Tiêu chuẩn AWS A 5.1 E6013	≤ 30 ngày	12 tháng		8%
85	Chổi cước		Đường kính trụ cước 12cm	≤ 30 ngày	12 tháng		8%
86	Chổi cước		Đường kính trụ cước 50cm	≤ 30 ngày	12 tháng		8%
87	Tôn mạ kẽm dày 0,4mm		Tôn phẳng; khổ rộng 1200mm; dài 30 mét	≤ 30 ngày	12 tháng		10%

Ghi chú:

- Hàng hóa được cung cấp phải là hàng mới, chưa qua sử dụng, không có khiếm khuyết do thiết kế, vật liệu hoặc kỹ thuật chế tạo và phải được sản xuất từ năm 2024 trở về sau.
- Giá dự thầu phải bao gồm thuế GTGT theo cột "Thuế suất GTGT". Thuế suất thuế GTGT sẽ được xác định lại tại thời điểm nghiệm thu, xuất hóa đơn theo các quy định hiện hành.
- Nhà thầu có thể kê khai chi tiết ký mã hiệu, nhãn mác và thông số kỹ thuật cho từng mục hàng hóa dự thầu theo Mẫu số 22 Chương V - Yêu cầu về kỹ thuật và đính kèm lên Hệ thống dưới dạng file PDF.
- Nhà thầu có thể kê khai chi tiết thời gian giao hàng, thời hạn bảo hành và chứng từ liên quan cho từng mục hàng hóa dự thầu theo Mẫu số 23 Chương V - Yêu cầu về kỹ thuật và đính kèm lên Hệ thống dưới dạng file PDF.
- Nhà thầu có thể kê khai chi tiết danh mục hàng hóa tương tự của các hợp đồng đã thực hiện để chứng minh kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hoá tương tự theo Mẫu số 24 Chương V - Yêu cầu về kỹ thuật và đính kèm lên Hệ thống dưới dạng file PDF.

Mẫu số 22 (Scan đính kèm)

**BẢNG ĐỀ XUẤT CHI TIẾT KÝ MÃ HIỆU,
NHÃN MÁC VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT⁽¹⁾**

(Nhà thầu đề xuất)

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
TT	Tên hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật của Bên mời thầu (dẫn chiều đến Cột (3) và Cột (4) Phụ lục I)	Ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất, tính năng, thông số kỹ thuật của hàng hóa dự thầu	Ghi chú
1	Hàng hóa thứ 1			
2	Hàng hóa thứ 2			
	...			
N	Hàng hóa thứ n			

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Ghi rõ cho từng mục hàng hóa.

Mẫu số 23 (Scan đính kèm)

**BẢNG ĐỀ XUẤT CHI TIẾT THỜI GIAN GIAO HÀNG,
BẢO HÀNH VÀ CHỨNG TỪ⁽¹⁾**
(Nhà thầu đề xuất)

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
TT	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất, tính năng, thông số kỹ thuật của hàng hóa dự thầu	Thời gian giao hàng	Thời hạn bảo hành	Chứng từ liên quan	Ghi chú
1	Hàng hóa thứ 1					
2	Hàng hóa thứ 2					
	...					
N	Hàng hóa thứ n					

- Các điều khoản khác.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Ghi rõ cho từng mục hàng hóa.

BẢNG KÊ KHAI DANH MỤC HÀNG HÓA TƯƠNG TỰ
(Nhà thầu kê khai)

1	Hạng mục hàng hóa		Đèn đường LED 100W	
a)	Mã HS		94.05.xx.xx	
b)	Chủng loại, lĩnh vực		Vật tư, thiết bị điện, điều khiển tự động	
c)	Giá trị được coi là tương tự (VND)		68.666.000	
d)	Hợp đồng tương tự		...	
	STT	STT trong HĐ	Giá trị (thành tiền trước thuế)	Giá trị (thành tiền sau thuế)
	1			
	2			
	...			
	Tổng giá trị			
e)	Ngày nghiệm thu/hóa đơn		...	
f)	Các lưu ý khác			
2	Hạng mục hàng hóa		Bộ nguồn tủ báo cháy	
a)	Mã HS		85.04.xx.xx	
b)	Chủng loại, lĩnh vực		Vật tư, thiết bị điện, điều khiển tự động	
c)	Giá trị được coi là tương tự (VND)		25.256.000	
d)	Hợp đồng tương tự		...	
	STT	STT trong HĐ	Giá trị (thành tiền trước thuế)	Giá trị (thành tiền sau thuế)
	1			
	2			
	...			
	Tổng giá trị			
e)	Ngày nghiệm thu/hóa đơn		...	
f)	Các lưu ý khác			
3	Hạng mục hàng hóa		Máy đo dòng điện rò	
a)	Mã HS		90.30.xx.xx	
b)	Chủng loại, lĩnh vực		Máy đo, thiết bị đo đại lượng điện	
c)	Giá trị được coi là tương tự (VND)		13.741.000	
d)	Hợp đồng tương tự		...	
	STT	STT trong HĐ	Giá trị (thành tiền trước thuế)	Giá trị (thành tiền sau thuế)
	1			
	2			
	...			

	Tổng giá trị			
e)	Ngày nghiệm thu/hóa đơn	...		
f)	Các lưu ý khác			
4	Hạng mục hàng hóa	Máy quét 3D		
a)	Mã HS	84.71/90.31.xx.xx		
b)	Chủng loại, lĩnh vực	Máy móc, dụng cụ dùng trong các nhà máy công nghiệp		
c)	Giá trị được coi là tương tự (VND)	15.860.000		
d)	Hợp đồng tương tự	...		
	STT	STT trong HĐ	Giá trị (thành tiền trước thuế)	Giá trị (thành tiền sau thuế)
	1			
	2			
	...			
	Tổng giá trị			
e)	Ngày nghiệm thu/hóa đơn	...		
f)	Các lưu ý khác			
5	Hạng mục hàng hóa	Máy in 3D		
a)	Mã HS	84.77/84.43.xx.xx		
b)	Chủng loại, lĩnh vực	Máy móc, dụng cụ dùng trong các nhà máy công nghiệp		
c)	Giá trị được coi là tương tự (VND)	15.027.000		
d)	Hợp đồng tương tự	...		
	STT	STT trong HĐ	Giá trị (thành tiền trước thuế)	Giá trị (thành tiền sau thuế)
	1			
	2			
	...			
	Tổng giá trị			
e)	Ngày nghiệm thu/hóa đơn	...		
f)	Các lưu ý khác			
6	Hạng mục hàng hóa	Nhóm các vật tư, phụ tùng khác dùng trong các nhà máy công nghiệp		
a)	Mã HS			
b)	Chủng loại, lĩnh vực	Vật tư, phụ tùng dùng trong các nhà máy công nghiệp		
c)	Giá trị được coi là tương tự (VND)	187.492.000		
d)	Hợp đồng tương tự	...		
	STT	STT trong HĐ	Giá trị (thành tiền trước thuế)	Giá trị (thành tiền sau thuế)

	1			
	2			
	...			
	Tổng giá trị			
e)	Ngày nghiệm thu/hóa đơn		...	
f)	Các lưu ý khác			

Ghi chú:

Nhà thầu có thể kê khai giá trị của một hoặc nhiều mục hàng hóa trong cùng 01 hợp đồng để chứng minh đáp ứng yêu cầu của từng hạng mục hàng hóa nêu trên (không được cộng gộp giá trị của hạng mục hàng hóa tương tự trong nhiều hợp đồng khác nhau).

HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: ____

Gói thầu Mua sắm vật tư điện, điều khiển tự động và dụng cụ đồ nghề

- Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật Thương mại ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023, được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;
- Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
- Căn cứ Giấy ủy quyền số 1393/UQ-GENCO3 ngày 07/5/2020 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Phát điện 3 - CTCP;
- Căn cứ Quyết định số ____ ngày __/__/____ của Công ty Thủy điện Buôn Kuốp về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Mua sắm vật tư điện, điều khiển tự động và dụng cụ đồ nghề và Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng số ____ ngày ngày __/__/____ của Chủ đầu tư;
- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Chủ đầu tư và Nhà thầu trúng thầu ký ngày ngày __/__/____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư: Công ty Thủy điện Buôn Kuốp

Địa chỉ: Số 22 Mai Xuân Thưởng, phường Thành Nhất, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

Điện thoại/Fax: 0262 3959529/3959589

Email: khvtbuonkuop@gmail.com

Tài khoản: Số 110000045399, tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk

Mã số thuế: 3502208399-001

Đại diện là ông: Trần Văn Khánh

Chức vụ: Giám đốc

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại/Fax: _____

Email: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa được nêu chi tiết tại Phụ lục Bảng giá hợp đồng kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;
2. E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
3. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;
4. E-ĐKC của hợp đồng;
5. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
6. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;
7. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT (nếu có) của Nhà thầu;
8. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);
9. Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: ____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng].

2. Phương thức thanh toán: Theo quy định tại Mục 14.2 E-ĐKCT.

Điều 6. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: 124 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Trong đó:

- Thời gian giao hàng trong vòng từ 30 đến 90 ngày, (được giao thành 2 đợt theo yêu cầu tại Phụ lục Bảng giá hợp đồng), kể từ ngày ký hợp đồng;
- Thời gian kiểm tra, thử nghiệm trong vòng 20 ngày, kể từ ngày Bên A nhận được hàng hóa, chứng từ;
- Thời gian thanh toán trong vòng 14 ngày, kể từ ngày Bên B nộp đủ chứng từ, hồ sơ thanh toán cho Bên A.

Điều 8. Phạt vi phạm trách nhiệm thực hiện hợp đồng

Ngoài quy định về phạt và bồi thường thiệt hại tại Mục 22 E-ĐKCT, các quy định khác về phạt vi phạm trách nhiệm thực hiện hợp đồng như sau:

1. Phạt vi phạm chất lượng: Nếu kết quả nghiệm thu xác nhận chất lượng hoặc đặc tính kỹ thuật hàng hóa không đạt yêu cầu nêu tại Phụ lục Bảng giá hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối nhận hàng và phạt bên B 8% giá trị hợp đồng bị vi phạm hoặc yêu cầu Bên B đổi hàng đạt chất lượng, đúng đặc tính kỹ thuật.

2. Phạt vi phạm xuất xứ hàng hóa: Nếu hàng được giao không đúng xuất xứ hoặc không cung cấp được chứng từ chứng minh xuất xứ theo yêu cầu nêu tại Phụ lục Bảng giá hợp đồng thì Bên B phải đổi hàng có xuất xứ đúng quy định tại hợp đồng. Nếu Bên B không đổi thì Bên A được quyền lựa chọn 1 trong 2 phương thức sau (trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận khác bằng văn bản):

- Nhận hàng và phạt Bên B 8% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm;
- Trả lại hàng và phạt Bên B 8% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.

Ghi chú: Nếu việc đổi hàng nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều này làm chậm tiến độ cung cấp nêu tại Phụ lục Bảng giá hợp đồng thì Bên B vẫn phải chịu phạt theo Mục 22 E-ĐKCT.

Điều 9. Bảo hành

Ngoài quy định bảo hành tại Mục 23 E-ĐKC và các Mục 23.3, 23.5 và 23.6 E-ĐKCT, các quy định khác về bảo hành như sau:

1. Thời gian khắc phục lỗi và sự cố thiết bị trong quá trình bảo hành: Khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về các hư hỏng, khuyết tật phát sinh trong quá trình sử dụng, trong vòng 07 ngày, nhân sự của nhà thầu phải có mặt tại hiện trường để phối hợp xác định nguyên nhân và xử lý các lỗi phát sinh. Trong trường hợp hàng hóa cần phải gửi hãng sản xuất để sửa chữa thì thời gian sửa chữa kể từ khi Bên A bàn giao lại cho Bên B và đến khi Bên A nhận lại hàng không được quá tiến độ cung cấp của hàng

hóa đó theo hợp đồng này. Các bộ phận, hàng hóa thay ra được trả lại cho Bên B. Mọi chi phí bảo hành do Bên B chịu.

2. Yêu cầu về bảo đảm bảo hành

- Giá trị bảo hành: 5% giá hợp đồng.

- Hình thức bảo đảm bảo hành: Bảo lãnh bảo hành mà Bên B gửi Bên A phải là bảo lãnh không hủy ngang, không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu) do tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành (theo mẫu quy định tại Phần 4 của E-HSMT hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận) hoặc bằng hình thức giữ lại một phần giá trị của hợp đồng.

- Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành: 12 tháng, kể từ hàng hóa được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng (đợt cuối). Trường hợp sửa chữa, thay thế hàng hóa trong thời gian bảo hành, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới.

Điều 10. Đánh giá chất lượng nhà thầu

Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng nhà thầu thực hiện hợp đồng theo nguyên tắc và cách thức được Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Quyết định số 514/QĐ-EVN ngày 17 tháng 4 năm 2025 về việc ban hành Hướng dẫn đánh giá kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam.

Điều 11. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký hợp đồng hoặc ngày Bên A nhận được bảo đảm thực hiện hợp đồng, tùy theo ngày nào muộn hơn.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên và được lập thành ____ bộ, Chủ đầu tư giữ 02 bộ, Nhà thầu giữ ____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau./.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA NHÀ THẦU**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu] [Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

Phụ lục này được lập trên cơ sở bảng chào giá dự thầu của Nhà thầu theo các Mẫu bảng giá dự thầu tương ứng quy định tại E-HSMT và các thỏa thuận đã đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, trong đó bao gồm đơn giá, thành tiền cho từng hạng mục, nội dung công việc.

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

Theo đề nghị của ____ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa cho gói thầu trên (sau đây gọi là “Hợp đồng”); ⁽¹⁾

Theo quy định trong E-HSMT (*hoặc hợp đồng*), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [*ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại ____ [*ghi địa chỉ của ngân hàng*⁽²⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là ____ [*ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của E-HSMT*]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ [*ghi số tiền bảo lãnh*] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ____ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu trúng thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] đã ký hợp đồng số ____ [*ghi số hợp đồng*] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là “Hợp đồng”).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT.

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG ⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

[*ghi tên hợp đồng, số hợp đồng*]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, ____ [*ghi tên và địa chỉ của nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng ____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*] cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [*ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại ____ [*ghi địa chỉ của ngân hàng*⁽²⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá ____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 13.1 E-ĐKCT của E-HSMT*].

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 13.1 E-ĐKCT.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày giao hàng quy định trong hợp đồng. Nếu giao hàng theo từng phần thì có thể quy định bảo lãnh tiền tạm ứng hết hiệu lực khi giá trị hàng hóa được giao và nghiệm thu lớn hơn hoặc bằng số tiền được tạm ứng. Trong trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng thì yêu cầu gia hạn thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của ____ [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại ____ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] do ____ [ghi tên Chủ đầu tư] tổ chức:

[- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình đối chiếu tài liệu,

- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình hoàn thiện hợp đồng đối với trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp.](²⁾.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [ghi tên nhà thầu]. ____ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ (³). Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Chủ đầu tư giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]

Người ủy quyền

[ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Chủ đầu tư khi đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng và phải bảo đảm ngày có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.

BẢO LÃNH BẢO HÀNH⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [*Ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

[*Ghi tên hợp đồng, số hợp đồng, ngày tháng ký hợp đồng*]

Theo điều khoản về bảo hành của hợp đồng, [*ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm trách nhiệm bảo hành hàng hóa của nhà thầu;

Chúng tôi, ____ [*Ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại ____ [*Ghi địa chỉ của ngân hàng⁽²⁾*] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ [*Ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng*] khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm điều khoản về bảo hành của hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm nghĩa vụ bảo hành là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tài chính.

(2) Địa chỉ ngân hàng: Ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Hợp đồng.